TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 377/2023/DS-PT
Ngày: 13 - 7 - 2023
V/v tranh chấp "*Hợp đồng dịch vụ*".

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt

Bà Nguyễn Thanh Nhàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Thanh Liêm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp *"Hợp đồng dịch vụ"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 279/2022/DSST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2023; Quyết định tạm dừng phiên tòa số 145/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 03 năm 2023; Quyết đình chỉ số 28/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 04 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 23/2023/TB-PT ngày 07 tháng 06 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 336/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Thanh H**,** sinh năm: 1977
Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Kim P, sinh năm: 1960 (có mặt).
Địa chỉ: số B, Ấp B, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1**,** sinh năm: 1967
Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn T, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Người làm chứng:

- Anh Trần Minh H2, sinh năm 1979. (vắng mặt)
Địa chỉ: A tổ E T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- Ông Lê Văn E, sinh năm 1969. (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ G ấp A H, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- Anh Lưu Văn M, sinh năm 1973. (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).
- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1961. (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- Anh Trương Hoài V, sinh năm 1977. (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp P, xã P, M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).
- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1950. (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, Tiền Giang (vắng mặt).

- Anh Phạm Hoàng H3, sinh năm 1979. (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã T, C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).
- Anh Võ Ngọc C, sinh năm 1990. (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ F, ấp A, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: bị đơn Nguyễn Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Thanh H, có đại diện theo ủy quyền bà Ngô Thị P1 trình bày:*

Vào ngày 18/9/2015, ông Ngô Thanh H và ông Nguyễn Văn H1 có ký kết hợp đồng bơm cát, theo nội dung hợp đồng ông H1 giao cho ông H san lấp một nền nhà dài 77 mét, ngang 56 mét, cao 0,75 mét bằng mặt chân biển báo trường học, giá trị hợp đồng là 317.000.000 đồng và tiền xe cuốc 10.000.000 đồng, tổng cộng 327.000.000 đồng, hình thức thanh toán hai bên thống nhất sau khi rớt cát ông H1 cho ứng 30% hợp đồng và tiếp tục ứng theo tiến độ bơm, khi bơm xong thanh toán một lần. Hai bên thống nhất đặt cọc là 30.000.000 đồng và ông H tiến hành việc bơm cát san lấp theo hợp đồng. Ông H đã hoàn thành việc bơm cát san lấp đúng theo hợp đồng với số cát tương ứng san lấp nền nhà dài 77 mét ngang 56 mét, cao 0,75 mét bằng mặt chân biển báo trường học, tuy nhiên phía ông H1 chỉ giao tổng cộng 150.000.000 đồng bao gồm cả 30.000.000 đồng tiền cọc, ông H1 còn thiếu ông H số tiền 177.000.000 đồng. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông H1 phải tiếp tục thanh toán số tiền là 177.000.000 đồng, yêu cầu thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo bản tự khai, đơn yêu cầu phản tố, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền bị đơn ông Nguyễn Văn*

H1, có đại diện theo ủy quyền ông Trương Văn T trình bày: Ông H1 thống nhất có ký hợp đồng bơm cát vào ngày 18/9/2015 với ông H với nội dung và số tiền đã giao là 150.000.000 đồng đúng như ông H trình bày, tuy nhiên ông H đã ký hợp đồng san lấp nhưng ông H đã không thực hiện đúng cam kết hợp đồng, cụ thể ông H1 đã giao ông H 150.000.000 đồng nhưng ông H chỉ thực hiện bơm cát san lấp được chiều cao 0,25 mét so với hợp đồng là 0,75 mét mà không thi công tiếp dẫn tới ông H1 phải nhờ các đối tác khác vào tiếp tục san lấp mặt bằng với số tiền tổng cộng 214.150.000 đồng. Theo ông H1, ông H chỉ thực hiện bơm cát san lấp được 0,25 mét chiều cao so với thỏa thuận 0,75 mét theo hợp đồng trong khi đã nhận trước 150.000.000 đồng, tương ứng giá trị thi công là 109.000.000 đồng, như vậy ông H nhận trước 150.000.000 đồng là dôi dư ra 41.000.000 đồng nên ông H1 có yêu cầu phản tố buộc ông H trả lại số tiền dôi dư là 41.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người làm chứng anh Trần Minh H2 trình bày:*

Anh Trần Minh H2 xác định anh là người được anh H thuê bơm cát san lấp trên đất của ông H1, anh đã thực hiện bơm cát xong bằng chân biển báo trường học và thanh lý xong hợp đồng với ông H, sau đó anh phát hiện biển báo có thay đổi vị trí.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2019 của Tòa án người làm chứng anh Trương Hoài V trình bày:*

Anh Trương Hoài V chủ cửa hàng vật liệu xây dựng T xác định ông H1 chỉ đến xin hóa đơn và nhờ ghi dùm chứ không mua cát và anh cũng không đổ cát cho ông H1 vì cửa hàng không có xe lớn để đổ cát. Đến ngày 20/4/2020 anh V xác định có bán cho anh H1 cát san lấp mặt bằng là 8.000.000 đồng.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2019 của Tòa án người làm chứng ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Ông Nguyễn Văn S chủ doanh nghiệp tư nhân N xác định ông có đổ cát san lấp cho ông H1 vào năm 2017 và chỉ biết là do nền đất thấp đổ cao lên.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2019 của Tòa án người làm chứng bà Phạm Thị L trình bày:*

Bà Phạm Thị L chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Hoàng P2 xác định vào ngày 17/3/2017 bà có đổ cho ông H1 670m^3 cát lấp, đơn giá 90.000 đ/m^3, thành tiền là 60.300 đ/m^3. Hóa đơn ngày 17/3/2017 do bà xuất. Bà chỉ cho xe vào đổ chứ bà không có đến nơi đổ cát, bà chỉ biết đó là khu vực đất trống, có lên líp nhưng nền đất còn thấp chưa bằng mặt lộ.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2019 của Tòa án người làm chứng anh Lưu Văn M trình bày:*

Ông Lưu Văn M xác định ngày 07/4/2017 ông có bơm cát san lấp mặt bằng cho ông H1, diện tích ngang 23 mét dài 55 mét, sâu 0,5 mét với giá là

60.000.000 đồng, khi ông đến san lấp thì mặt bằng có cỏ và chưa bằng mặt lộ, ông tiến hành san lấp mới bằng mặt lộ.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2019 người làm chứng ông Lê Văn E trình bày:*

Ông Lê Văn E xác định ông có bơm cát san lấp tại ấp C xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đợt 1 là do ông H và ông H1 ký hợp đồng với nhau và ông H kêu ông chạy gia công ăn chuyến 2.400.000 đồng/chuyến 35 m^3. Đợt thứ hai vào ngày 08/7/2016 ông có bơm cho ông H1 115 m^3, cao từ 0,3 đến 0,4 tấc cát. Lần thứ nhất thì ông bơm cát san lấp mặt bằng đất líp, do quá lâu ông không nhớ thời gian và hiện trạng. Lần thứ hai thì ông san lấp nền nhà cho ông H1.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2022 của Tòa án người làm chứng anh Phạm Hoàng H3 trình bày:*

Anh là bạn của anh H và anh H1, khi anh H và anh H1 thỏa thuận bơm cát thì anh không có mặt, khi anh H, anh H1 dẫn thợ ra chỉ vị trí bơm cát thì có mặt anh, trong quá trình bơm cát anh cũng có thấy. Đến ngày nghiệm thu cũng có mặt anh vì anh H rủ đi nghiệm thu xong rồi đi nhậu, khi nghiệm thu có mặt anh H1. Quá trình nghiệm thu hai bên có đến địa điểm bơm cát, đi vòng quanh xem và thống nhất số lượng cát mà anh H đã bơm đúng theo thỏa thuận.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2022 của Tòa án, người làm chứng anh Võ Ngọc C trình bày:*

Khi anh H và anh H1 thỏa thuận bơm cát có mặt anh, thỏa thuận bơm chiều cao đến chân biển báo. Khi anh H bơm cát anh có đi ngang qua nhiều lần và thấy anh H đã bơm cát cho anh H1 đến chân biển báo đúng như thỏa thuận. Sau khi anh H bơm cát xong, một thời gian sau khi anh và anh H đi uống cafe anh có nghe anh H gọi điện thoại cho anh H1 hỏi sau bơm cát xong lâu rồi mà chưa trả tiền.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 279/2022/DSST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 229; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 405, 518, 520, 524, 526 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Thanh H: Buộc ông Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Thanh H số tiền 177.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu ông Ngô Thanh H trả số tiền 41.000.000 đồng.

3. Kể từ ngày ông Ngô Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H1 chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lại đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của bộ Luật dân sự năm 2015.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H1 phải chịu 10.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông H1 đã thi hành xong 2.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Bản án số 192/2020/DSPT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (Theo các biên lai thu số 6393 ngày 14/9/2020-Trích thu 300.000 đồng; số 6396 ngày 14/9/2020 - thu 1.025.000đồng và 63097 ngày 15/9/2020 – Trích thu 725.000đồng) nên còn phải nộp tiếp 8.850.000 đồng.

H4 lại ông Ngô Thanh H số tiền 300.000đồng án phí phúc thẩm và 8.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm mà ông H đã thi hành theo Bản án số 192/2020/DSPT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (theo biên lai thu số 12011 ngày 24/9/2020-Trích thu số tiền 4.425.000 đồng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và 4.725.000đồng theo biên lai thu số 0002673 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 04 tháng 08 năm 2022 bị đơn Nguyễn Văn H1 kháng cáo: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H1.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Thanh H là bà Ngô Thị Kim P3 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn H1 là ông Trương Văn T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà án nhân dân cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp "Hợp đồng dịch vụ" theo quy điều 513 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng quy định.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H1 là đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xét người làm chứng ông H2, ông E, ông M, bà L, ông V, ông S, ông H3, ông C vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H2, ông E, ông M, bà L, ông V, ông S, ông H3, ông C.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn H1 về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn H1 trả cho ông Ngô Thanh H số tiền bơm cát là 177.000.000 đồng *(một trăm bảy mươi bảy triệu đồng).* Hội đồng xét thấy:

[2.1] Tại "Hợp đồng bơm cát" ngày 18/5/2015 (bút lục số 72), giữa ông Ngô Thanh H (bên A) và ông Nguyễn Văn H1 (bên B) có ghi rõ "khoáng trọn 01 nền dài 77m ngang 56m, cao 0,75m bằng mặt chân biển báo trường học". Giá trị hợp đồng là 317.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền xe cuốc. Hình thức thanh toán của các bên được xác định là "sao khi rớt cát anh H1 ứng cho 30% hợp đồng và ứng theo tiến độ bơm cát. Bơm xong thanh toán một lần". Sau khi ký hợp đồng bên B đặt cọc trước cho bên A số tiền là 30.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng đã thực hiện xong việc bơm cát cho bị đơn và phía bị đơn chỉ thanh toán số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), còn thiếu lại số tiền là 177.000.000 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Phía bị đơn cho rằng phía nguyên đơn chỉ thi công khối lượng công trình đạt khối lượng tương ứng với số tiền là 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng). Sau khi ký hợp đồng với ông H1 thì ông H đã thuê lại ông Trần Minh H2 để thực hiện hợp đồng bơm cát cho ông H1 (bút lục số 71). Khi ông H2 bơm cát xong thì ông H và ông H2 lập biên bản nghiệm thu ngày 15/04/2016 (bút lục số 73), xác định "đã đủ khối lượng". Hội đồng xét xử xét thấy việc ông H và ông H1 ký hợp đồng dịch vụ bơm cát với nhau thì khi hoàn thành ông H chỉ yêu cầu ông H2 lập biên bản nghiệm thu là không phù hợp. Tại Điều 517 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ: "1. Thực hiện công việc đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và thỏa thuận khác. 2. Không được giao cho người khác thực hiện thay công việc nếu không có được sự đồng ý của bên sử dụng dịch vụ". Việc ông H không mời ông H1 lập biên bản nghiệm thu là lỗi của ông H nên ông H phải chịu trách nhiệm đối với phần lỗi mình gây ra trong việc thực hiện hợp đồng.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/5/2023, thì trên phần đất của ông Nguyễn Văn H1 mà hai bên thỏa thuận bơm cát vẫn còn có 02 ao chưa bơm cát gồm ao một diện tích là 45m^2 (ngang 05 m, dài 09 m, sâu 0,77m), ao hai diện tích 16,8 m^2 (ngang 04m, dài 4,2m). Phần đất có nền bê tông 0,2m do ông H1 đổ hiện tại có mặt bằng với chân trụ biển báo do các bên thỏa thuận.

Do đó, việc cấp sơ thẩm buộc ông H1 trả cho ông H số tiền là 177.000.000 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu đồng) là không phù hợp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H1. Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn cũng không trình bày được khối lượng cát đã bơm cho phía bên bị đơn. Cụ thể là không trình bày rõ được đã bơm bao nhiêu ghe, mỗi ghe là bao nhiêu khối để tính khối lượng cát đã bơm có tương ứng với thể tích các bên đã thỏa thuận hay không.

Phía ông H1 đã cung cấp đầy đủ những hóa đơn, chứng từ để chứng minh cho việc ông có tiếp tục để cát lấp thêm với số tiền là đã đổ thêm cát lấp với số tiền tổng cộng là 128.300.000 đồng (bút lục 21 đến 24). Tuy nhiên khi phát sinh tranh chấp ông H1 đã không trình báo với chính quyền địa phương để xác định số lượng cát còn thiếu mà tự ý đổ cát và tiếp tục thi công. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định ông H1 cũng có một phần lỗi nhỏ trong việc xác định khối lượng công việc chưa thực hiện xong của phía ông H. Hội đồng xét xử quyết định xác định lỗi của phía nguyên đơn ông Ngô Thanh H là 70% và phía bị đơn ông Nguyễn Văn H1 là 30%. Do đó, ông H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền tương ứng với phần lỗi của mình với số tiền là 53.100.000 đồng (năm mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

[2.2] Xét thấy lời khai của người làm chứng là ông Phạm Hoàng H3 và ông Võ Ngọc C là lời khai nhân chứng phía ông H cung cấp nhưng cấp sơ thẩm lại dùng lời khai đó để xác định ông H đã thực hiện xong hợp đồng bơm cát với ông H1 là không chính xác. Tại cấp phúc thẩm ông H1 cũng cấp đoạn ghi âm ông H3 xác định ông không hề ra đất nơi ông H1 thuê bơm cát và cũng không xác định là ông H đã thực hiện đủ khối lượng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không thể dùng lời khai người làm chứng này để xác định việc ông H đã bơm cát đủ khối lượng cho ông H1.

[2.3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy một phần yêu cầu kháng cáo của ông H1. Buộc ông Nguyễn Văn H1 trả cho ông Ngô Thanh H số tiền bơm cát là 53.100.000 đồng (năm mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H1, buộc ông H trả cho ông H1 số tiền là 41.000.000 đồng *(bốn mươi mốt triệu đồng).* Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn rút lại yêu cầu khởi kiện và phía nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông H1 được chấp nhận một phần nên ông H1 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn H1. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 279/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 405, 513, 517, 518, 520, 524, 526 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Thanh H về việc yêu cầu Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Thanh H số tiền 53.100.000 đồng (năm mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu Thi hành án nếu ông H1 chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu ông Ngô Thanh H trả số tiền 41.000.000 đồng *(bốn mươi mốt triệu đồng)*.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H1 phải chịu 2.655.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền ông H1 đã nộp 2.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Bản án số 192/2020/DSPT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (Theo các biên lai thu số 6393 ngày 14/9/2020-Trích thu 300.000đồng; số 6396 ngày 14/9/2020 - thu 1.025.000 đồng và 63097 ngày 15/9/2020 – Trích thu 725.000đồng) nên ông H1 phải nộp tiếp số tiền là 605.000 đồng (sáu trăm lẻ năm nghìn đồng).

Ông Ngô Thanh H phải chịu 6.195.000 đồng *(sáu triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông H đã thi hành theo Bản án số 192/2020/DSPT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (theo biên lai thu số 12011 ngày 24/9/2020-Trích thu số tiền 4.425.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và 4.725.000 đồng theo biên lai thu số 0002673 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) nên hoàn lại ông số tiền tạm đã nộp là 2.955.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Hải